ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN NAM BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG

Số: TVHN-317/AGIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 13 tháng 11 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THUỶ VĂN THỜI HẠN NGẮN TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến tình hình thuỷ văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng; diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu xuống chậm, khu vực nội đồng mực nước ít biến đổi.

- Khu vực sông Mekong tại Kratie (Campuchia): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 12/11 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN phổ biến từ 40-195cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 12/11 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN phổ biến từ 10-130cm. Mực nước cao nhất sông Hậu tại Long Xuyên dưới BĐ2 09cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch ít biến đổi. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 12/11 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN phổ biến từ 20-90cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 12/11 là 59cm (dưới BĐ1 21cm), cao hơn đỉnh triều ngày hôm trước 04cm..

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh xuống chậm theo triều trong 5 ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm theo triều trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm với xu thế xuống chậm trong 5 ngày tới.
- Vùng cửa sông: Mực nước trạm Xẻo Rô trên sông Cái Lớn biến đổi chậm theo triều trong 1-2 ngày tới, sau xuống nhanh.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Xuất hiện ngập, úng vùng trũng thấp khu vực nội đồng TGLX.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động KT-XH: Hiện tượng ngập, úng ảnh hưởng đến giao thông và hoạt động sản xuất địa phương.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 14/11/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin

Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày 12/11		So với 11/11	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN	Dự báo				
		BĐ1	BĐ2	BĐ3						13/11	14/11	15/11	16/11	17/11
Tiền	Tân Châu	350	400	**450**	Hmax	**205**	-8 ▼	-100 ▼	-71 ▼	203	200	195	190	185
					Hmin	**98**	-2 ▼	-169 ▼	-147 ▼	95	90	85	82	80
Ông Chưởng	Chợ Mới	200	250	**300**	Hmax	**202**	-6 ▼	-54 ▼	-9 ▼	197	192	187	182	177
					Hmin	**63**	-1 ◀▶	-120 ▼	-94 ▼	61	57	53	49	45
Hậu	Khánh An	420	470	**520**	Hmax	**214**	-6 ▼	-195 ▼	-107 ▼	210	206	202	198	195
					Hmin	**180**	-1 ◀▶	-223 ▼	-127 ▼	176	172	168	164	160
	Châu Đốc	300	350	**400**	Hmax	**215**	-5 ▼	-73 ▼	-42 ▼	210	205	200	195	190
					Hmin	**91**	-2 ▼	-156 ▼	-133 ▼	88	85	80	75	72
	Long Xuyên	190	220	**250**	Hmax	**211**	-7 ▼	-27 ▼	21 ▲	205	200	195	190	185
					Hmin	**55**	-1 ◀▶	-95 ▼	-62 ▼	51	47	43	39	35
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	**330**	Hmax	**204**	-8 ▼	-56 ▼	-19 ▼	198	193	188	183	178
					Hmin	**66**	-2 ▼	-130 ▼	-107 ▼	63	59	55	51	47
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	**400**	Hmax	**120**	0 ◀▶	-180 ▼	-123 ▼	122	120	118	116	114
					Hmin	**114**	0 ◀▶	-183 ▼	-125 ▼	114	112	110	108	106
	Vĩnh Gia	200	240	**280**	Hmax	**91**	-1 ◀▶	-87 ▼	-47 ▼	94	94	93	91	89
					Hmin	**89**	0 ◀▶	-87 ▼	-45 ▼	91	89	87	85	83
	Vĩnh Điều	170	200	**230**	Hmax	**104**	-1 ◀▶	-52 ▼	-9 ▼	107	107	106	104	102
					Hmin	**98**	-2 ▼	-55 ▼	-11 ▼	100	98	96	94	92
T3	Vĩnh Phú	150	180	**210**	Hmax	**92**	1 ◀▶	-57 ▼	-15 ▼	95	95	94	92	90
					Hmin	**86**	-1 ◀▶	-58 ▼	-18 ▼	88	86	84	82	80
T5	Nông Trường	160	190	**220**	Hmax	**94**	1 ◀▶	-65 ▼	-21 ▼	97	97	96	94	92
					Hmin	**91**	4 ▲	-64 ▼	-20 ▼	93	91	89	87	85
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	**280**	Hmax	**113**	2 ▲	-91 ▼	-64 ▼	115	113	111	109	107
					Hmin	**94**	-2 ▼	-107 ▼	-79 ▼	92	90	88	86	84
	Cô Tô	140	180	**220**	Hmax	**122**	2 ▲	-61 ▼	-18 ▼	124	122	120	118	116
					Hmin	**111**	-2 ▼	-70 ▼	-27 ▼	111	109	107	105	103
	Nam Thái Sơn	90	120	**150**	Hmax	**91**	0 ◀▶	-40 ▼	-21 ▼	93	91	89	87	85
					Hmin	**86**	0 ◀▶	-44 ▼	-24 ▼	86	84	82	80	78
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	**250**	Hmax	**86**	1 ◀▶	-82 ▼	-59 ▼	88	86	84	82	80
					Hmin	**83**	1 ◀▶	-82 ▼	-58 ▼	83	81	79	77	75
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	**220**	Hmax	**136**	1 ◀▶	-53 ▼	-8 ▼	138	136	134	132	130
					Hmin	**117**	-1 ◀▶	-64 ▼	-23 ▼	117	115	113	111	109
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	**270**	Hmax	**168**	-2 ▼	-71 ▼	-19 ▼	166	164	162	160	158
					Hmin	**121**	-2 ▼	-102 ▼	-54 ▼	119	117	115	113	111
RG-LX	Núi Sập	140	180	**220**	Hmax	**129**	2 ▲	-50 ▼	-23 ▼	132	130	128	126	124
					Hmin	**106**	-1 ◀▶	-58 ▼	-38 ▼	104	102	100	98	96

RG-LX	Tân Thành	120	150	**180**	Hmax	**106**	-1	◀▶	-42	▼	-6	▼	110	108	106	104	102
					Hmin	**96**	-1	◀▶	-48	▼	-11	▼	98	96	94	92	90
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	**150**	Hmax	**84**	-4	▼	-38	▼	-15	▼	88	86	84	82	80
					Hmin	**80**	-2	▼	-41	▼	-17	▼	82	80	78	76	75
Kiên	Rạch Giá	70	80	**90**	Hmax	**60**	1	◀▶	-17	▼	2	▲	75	71	67	63	60
					Hmin	**-9**	-6	▼	-18	▼	-11	▼	-8	-7	-6	-5	-4
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	**100**	Hmax	**59**	4	▲	-20	▼	5	▲	86	76	68	62	58
					Hmin	**-27**	-6	▼	-22	▼	-7	▼	-26	-25	-24	-22	-20

Chú thích: ▲ *Cao hơn;* ▼ *Thấp hơn;* ◀▶ *Xấp xỉ;*

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm

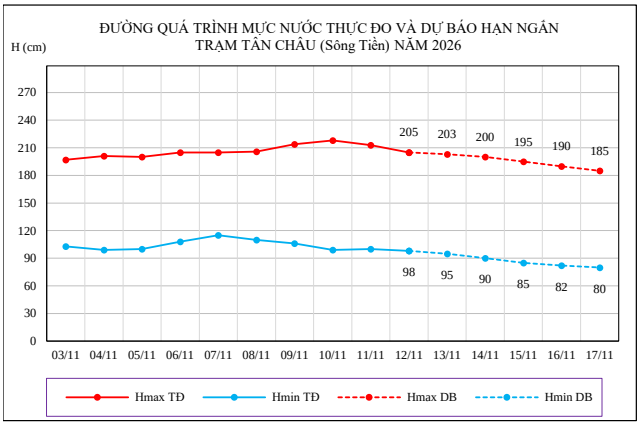

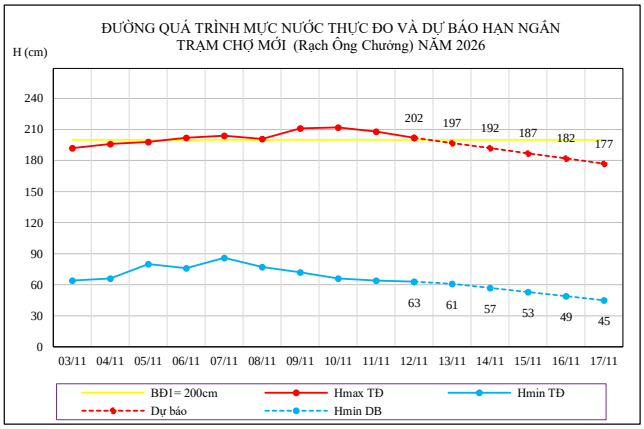

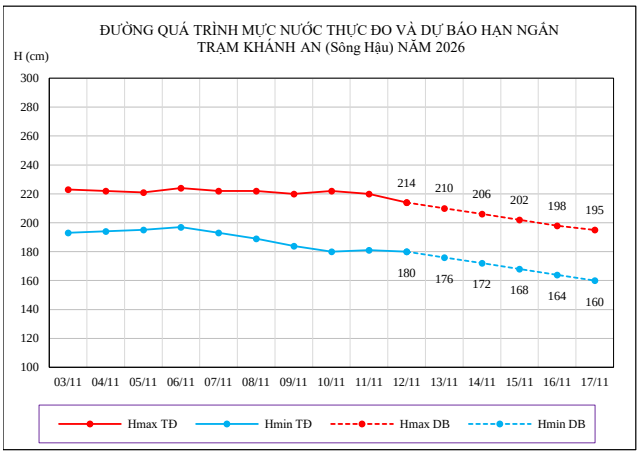

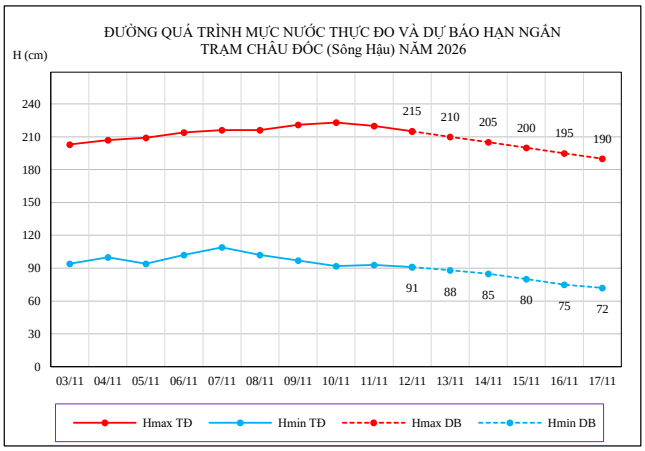

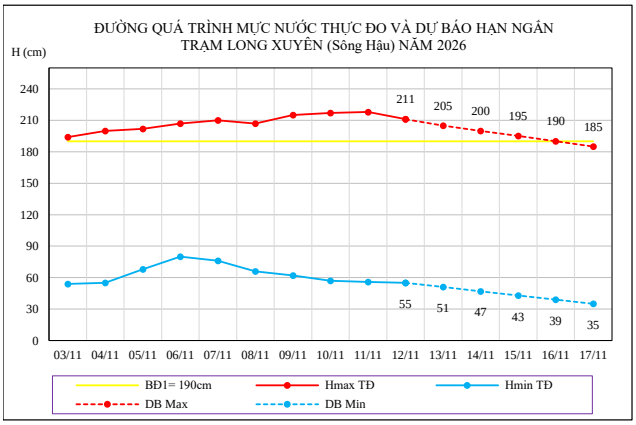

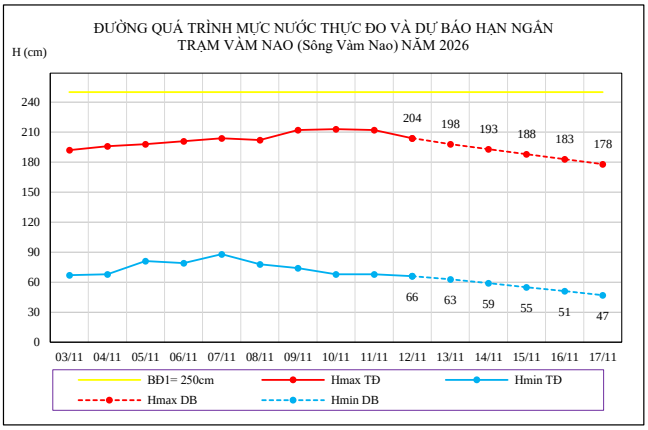

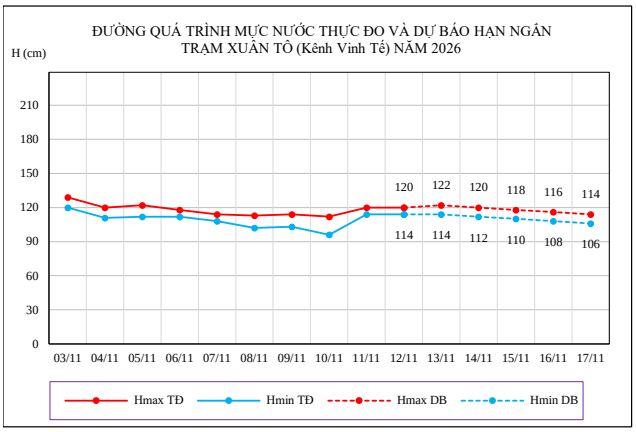
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XUÂN TÔ (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

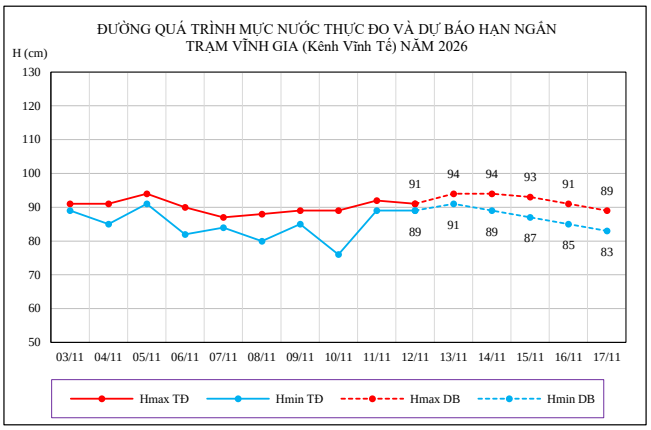
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH GIA (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

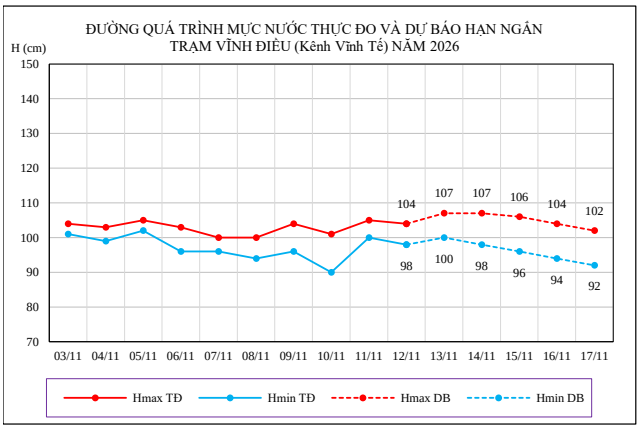
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH ĐIỀU (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

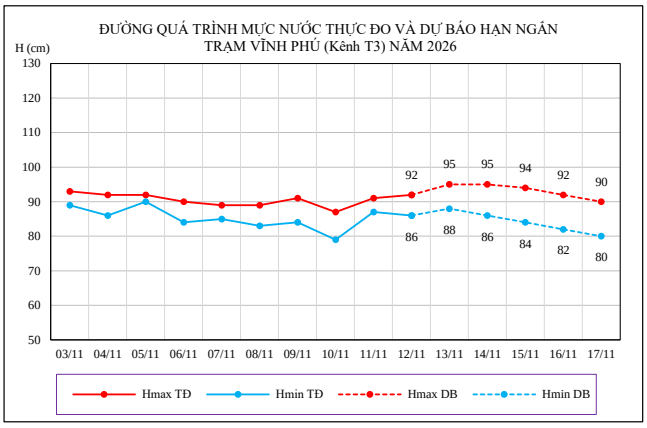
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH PHÚ (Kênh T3) NĂM 2026
H (cm)
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

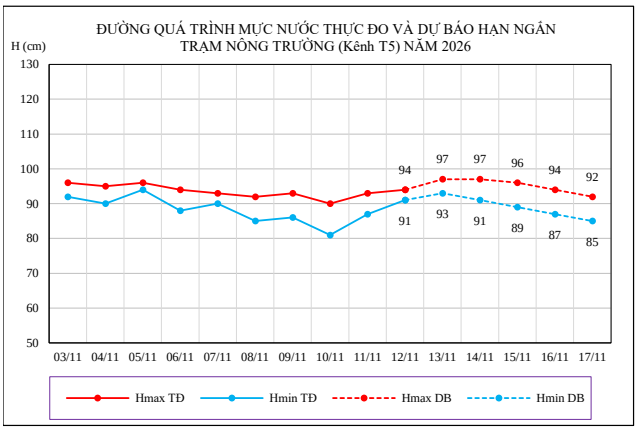
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÔNG TRƯỜNG (Kênh T5) NĂM 2026
H (cm)
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

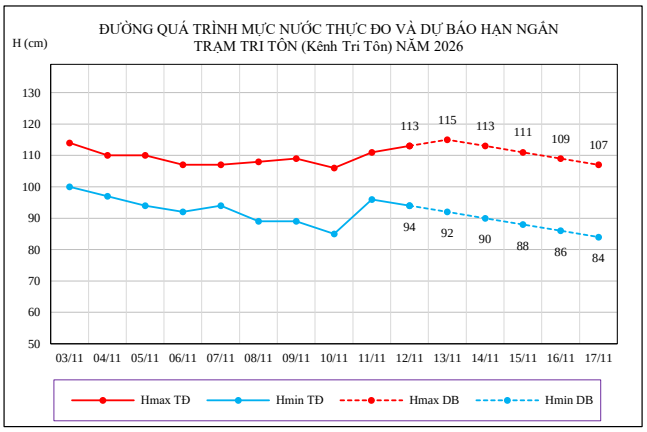
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TRI TÔN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

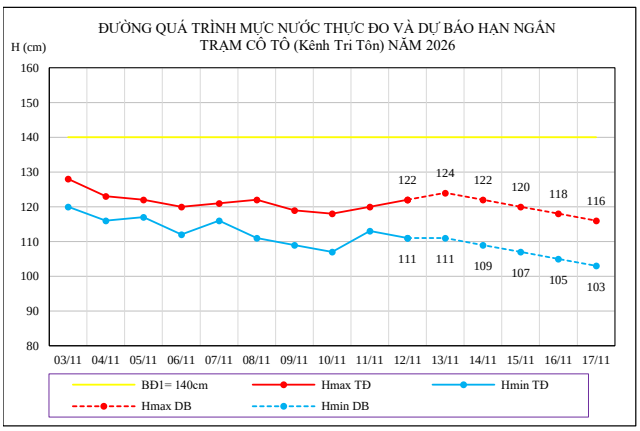
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM CỒ TÔ (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

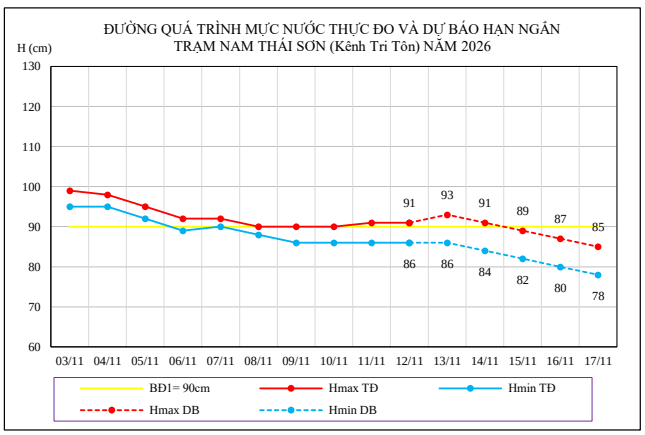
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NAM THÁI SƠN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ1= 90cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

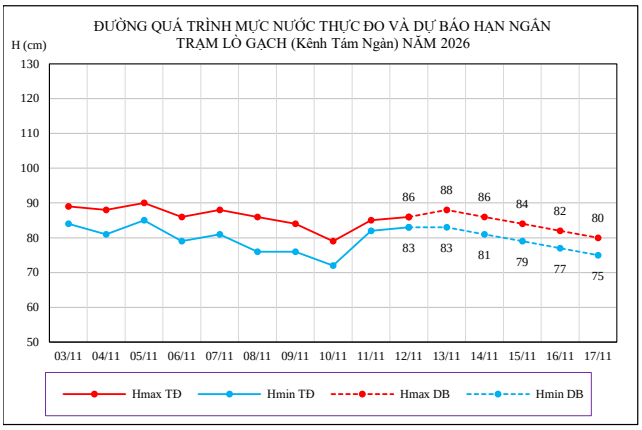
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM LÒ GẠCH (Kênh Tám Ngàn) NĂM 2026
H (cm)
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

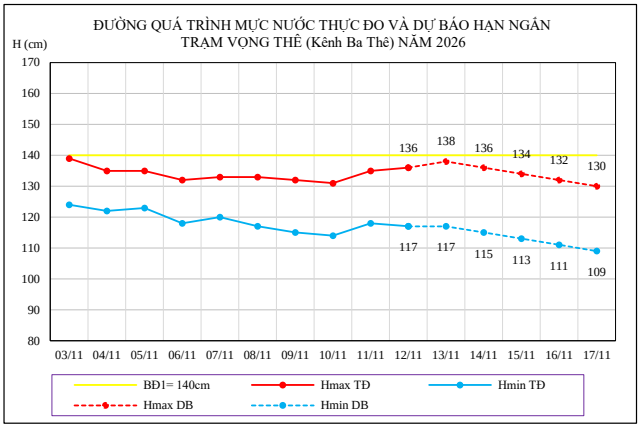
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VỌNG THÊ (Kênh Ba Thê) NĂM 2026
H (cm)
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

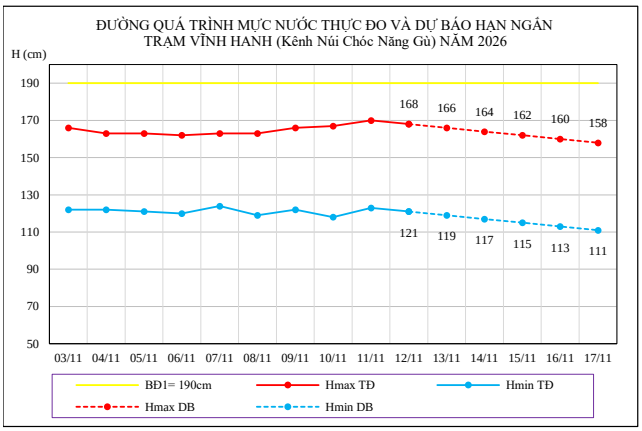
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH HANH (Kênh Núi Chóc Năng Gù) NĂM 2026
H (cm)
BĐ1= 190cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

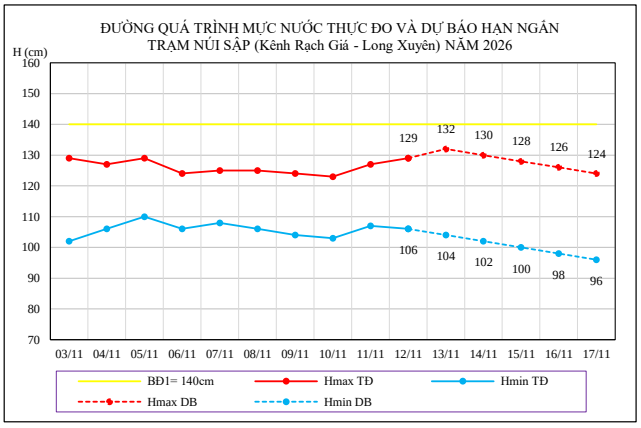
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÚI SẬP (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

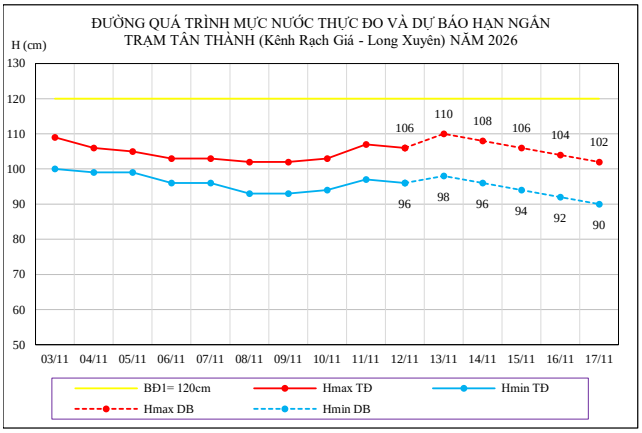
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN THÀNH (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ1= 120cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

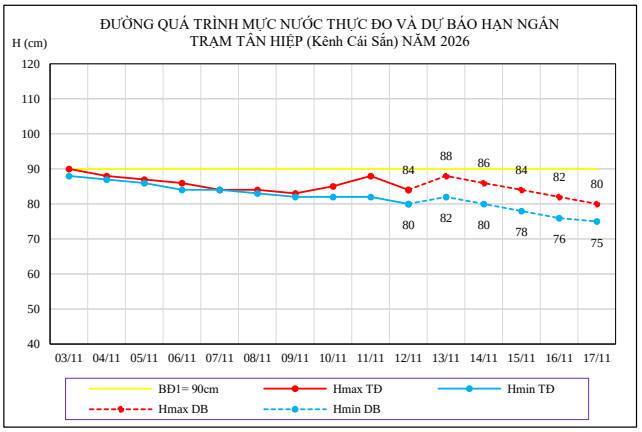
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN HIỆP (Kênh Cái Sắn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ1= 90cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

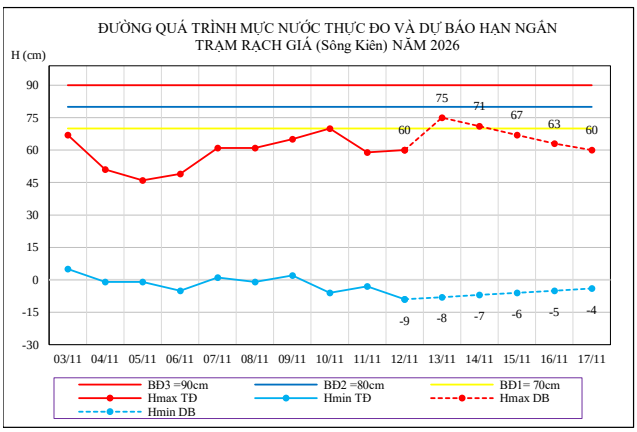
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM RẠCH GIÁ (Sông Kiên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =90cm
BĐ2 =80cm
BĐ1= 70cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

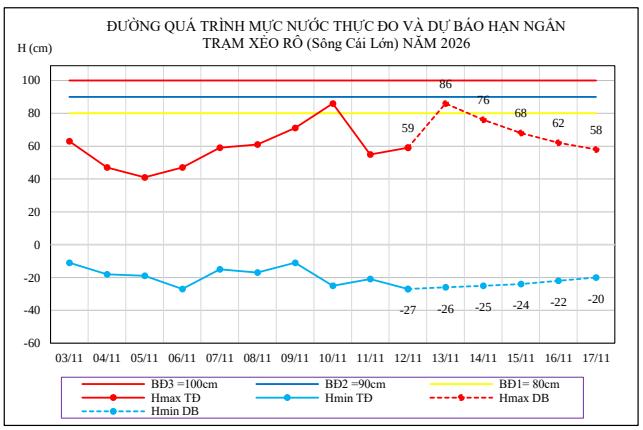
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XẺO RÔ (Sông Cái Lớn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =100cm
BĐ2 =90cm
BĐ1= 80cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB